

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-PT

Ngày: 20-01-2020

V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be;
Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TN: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 “về tranh chấp lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31 /2019/DS-ST Ngày 11- 10- 2019 Về việc: “Yêu cầu mở lối đi qua” của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 334/2019/QĐPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; cư trú: Ấp AL, xã An H, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1981 và anh Phan Trung T, sinh năm 182; Cùng cư trú: Ấp AL, xã An H, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

Người đại bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L, anh T: Luật sư Nguyễn Văn Re – Văn phòng Luật sư Re thuộc Đoàn sư tỉnh TN; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984; cư trú: Ấp AL, xã An H, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

3.2 Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978; cư trú: Ấp AL, xã An H, huyện TB, tỉnh TN; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

3.3 Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Khu công nghiệp TB do ông Lại Văn P; Chức vụ: Giám đốc đại diện theo ủy

quyền thường xuyên; Ông P ủy quyền lại cho ông Bùi Văn T, sinh năm 1976; Chức vụ: Phó Giám đốc; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

4. Người kháng cáo, bị đơn chị Nguyễn Thị Thuý L và anh Phan Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện TB bà Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Năm 2006, bà N có chia đất cho các con gồm: Chị Nguyễn Thị Thuý L, anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Thanh P trong đó: Chị L được chia diện tích đất 238,6 m² thửa 193, anh S được chia diện tích đất 227 m² thửa 194, anh P được chia diện tích đất 202,2 m² thửa 195, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại AL, xã An Hoà. Vị trí cả ba phần đất mặt tiền đều giáp đường tỉnh lộ 787, tất cả đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chia đất cho các con xong, bà ra phía sau nhà chị L, anh S (thửa 41) xây nhà ở. Do sơ xuất lúc chia đất cho các con, bà không chừa đất làm lối đi cho bà mà sử dụng một phần đất đã chia cho L và một phần đất đã chia cho anh S chiều ngang 01 mét để đi bằng xe đạp ra đường công cộng. Nay do mâu thuẫn với anh S vợ chồng L đã cấm trụ rào đất sát vách tường nhà của anh S làm cho bà không có lối đi. Bà yêu cầu chị L không được rào đất mà phải chừa cho bà ngang 0,5m dài 30m (trong thửa 193) để bà có đường đi vì bên anh S đã đồng ý chừa ngang 0,5m dài hết đất. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Lời khai của chị Nguyễn Thị Thuý L (bị đơn) tại Tòa án nhân dân huyện TB đối với yêu cầu của nguyên đơn, chị L trình bày:

Chị là con ruột bà N, thừa nhận lời trình bày của bà N về việc chia đất cho anh, em chị là đúng. Nguyên nhân chị rào đất lại là vì phần đất anh S được chia đã xây nhà ở hết diện tích và sử dụng mặt tiền cho thuê bán quán nhậu. Phần đất chị được chia mặt tiền ngang 5,6m chị xây nhà ở hết 04m còn lại phần đất trống giáp đất anh S chị dành làm lối đi của gia đình chị. Do bên quán nhậu (mà anh S cho thuê đất) thấy đất chị trống qua tiểu tiện gây mất vệ sinh nên chị mới rào đất của chị lại, bà N sống chung với em S, ban đầu không có cần lối đi đến năm 2013 anh P (anh ruột chị) bán đất được chia thửa 195 ra phía sau thửa đất 41 của mẹ xây nhà ở, mẹ chị mới theo sống chung nhà với anh P, chị biết việc chị rào đất làm cho anh P và mẹ chị không có lối đi ra đường công cộng. Tuy nhiên, chị đồng ý mở cho mẹ chị lối đi chung với gia đình chị để ra đường công cộng nhưng bà không chịu. Nguyên vọng chị yêu cầu được rào lại đất của chị giáp ranh với đất anh S, trước đây chị đã đào lỗ cấm trụ rào thì mẹ ngăn cản đến nay chưa rào được. Ngoài lối đi hiện tại mẹ chị không có lối đi nào khác để ra đường.

Ý kiến anh T: Thống nhất ý kiến chị L và có cùng nguyện vọng.

Lời khai của anh Nguyễn Thanh S (người có quyền L nghĩa vụ liên quan) tại Tòa án nhân dân huyện TB đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh S trình bày:

Anh là con ruột bà N, thừa nhận lời trình bày của bà N về việc chia đất là đúng, khách hàng nhà anh có vài lần đi tiểu vào móng tường nhà chị L, anh đã có biện pháp khắc phục như tại biên bản Toà án hoà giải là “làm cửa rào ngăn chặn khách đi vệ sinh” nhưng chị L không đồng ý. Mẹ anh hiện sống chung nhà với anh P phía sau nhà anh và chị L, anh đồng ý cho bà N được sử dụng đất anh đi lại vô điều kiện, nhưng trước khi qua đất anh thì mẹ anh phải đi qua đất chị L nên mẹ anh gặp khó khăn.

Lời khai của anh Nguyễn Thanh P (người có quyền L nghĩa vụ liên quan) tại Tòa án nhân dân huyện TB đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh P trình bày:

Anh là con ruột bà N, thống nhất lời trình bày của anh S, căn nhà mẹ anh và anh đang ở là của mẹ anh, bản thân anh chỉ ở tạm nhà mẹ nên anh không yêu cầu mở lối đi cho anh, tuy mẹ anh quyết định.

Tại Công văn số 65/NHNoTrB-TD ngày 27/9/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp huyện TB (gọi tắt là Ngân hàng):

Ngày 03/4/2019, chị L, anh T có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01444 ngày 17/4/2006 tại thửa 193, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại: Ấp AL, xã An Hoà, huyện TB, tỉnh TN diện tích 238,6 m² cho Ngân hàng để vay số tiền 150.000.000 đồng. Do hợp đồng còn hiệu lực Ngân hàng không khởi kiện đòi nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31 /2019/DS-ST Ngày 11- 10 - 2019 Về việc: “Yêu cầu mở lối đi qua” của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN đã quyết định:

Áp dụng Điều 12 Luật Đất đai; Điều 254 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Mở lối đi qua” của bà Nguyễn Thị N đối với chị Nguyễn Thị Thuý L, anh Phan Trung T.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thuý L, anh Phan Trung T phải có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ những chướng ngại vật (nếu có) mở cho bà Nguyễn Thị N lối đi có diện tích đất 13,2 m² trong thửa 193 (lối đi cũ), tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại: Ấp AL, xã An Hoà, huyện TB, tỉnh TN; gồm 02 đoạn các cạnh như sau:

+ Đoạn 1; Cạnh hướng Đông giáp đất chị L 12,9m; cạnh hướng Tây giáp đất anh S 12,9 m; cạnh hướng Bắc giáp đất chị L 01m.

+ Đoạn 2; Cạnh hướng Nam giáp đất chị L 01m; Cạnh hướng Đông giáp đất chị L 17,7m; Cạnh hướng Tây giáp đất anh S 17,7 m. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Ghi nhận anh Nguyễn Thanh S đồng ý mở cho bà N lối đi có diện tích đất 24,8 m² trong thửa 194 (lối đi cũ), tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại: Ấp AL, xã An Hoà, huyện TB, tỉnh TN; gồm 03 đoạn các cạnh như sau:

+ Đoạn 1; Bắc giáp đất anh S 01m; Nam giáp đường nhựa (787) 01m;

Đông giáp đất chị L 15m; Tây giáp đất anh S 15m.

+ Đoạn 2; Cạnh hướng Đông giáp đất chị L 12,9m; cạnh hướng Tây giáp đất anh S 12,9 m; cạnh hướng Nam giáp đất anh S 01m.

+ Đoạn 3; Cạnh hướng Bắc giáp đất bà N 01m; cạnh hướng Đông giáp đất chị L 17,7m; cạnh hướng Tây giáp đất anh S 17,7 m. (Có sơ đồ kèm theo).

- Phần đất này bà N, anh P chỉ được sử dụng vào mục đích làm lối đi không được dùng vào mục đích gì khác.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/10/2019, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không đồng ý mở lối đi qua của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T trình bày: Chị L và anh T đồng ý tháo dỡ trụ xi măng, hàng rào, mái tole để mở lối đi qua cho bà N, diện tích 21,65m²; tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chị L chiều dài 43,3m;
- + Hướng Tây giáp đất anh S chiều ngang 01m, dài 43,3m;
- + Hướng Nam giáp tỉnh lộ 787 dài 0,5m;
- + Hướng Bắc giáp đất bà N dài 0,5m;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà đồng ý với diện tích và tứ cận như chị L và anh T mở lối đi cho bà đi qua, nhưng bà xin cho bà đi lối đi cũ thêm 06 tháng nữa chị L và anh T mới rào lại.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S trình bày: Anh tự nguyện sửa nhà để mở lối đi cho bà N diện tích 21,58m²; tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp lối đi chị L chừa cho bà N đi 43,3m;
- + Hướng Tây giáp đất anh S dài 43,3m;
- + Hướng Nam giáp tỉnh lộ 787 dài 0,5m;
- + Hướng Bắc giáp đất bà N dài 0,5m;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị

Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 11-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền L nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P và Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Khu công nghiệp TB do ông Lại Văn P; Chức vụ: Giám đốc đại diện theo ủy quyền thường xuyên; Ông P ủy quyền lại cho ông Bùi Văn T, sinh năm 1976; Chức vụ: Phó Giám đốc vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T có nghĩa vụ tháo dỡ trụ xi măng, hàng rào, mái tole để mở lối đi qua cho bà Nguyễn Thị N, diện tích 21,65m²; tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chị L chiều dài 43,3m;
- + Hướng Tây giáp đất anh S dài 43,03m;
- + Hướng Nam giáp tỉnh lộ 787 dài 0,5m;
- + Hướng Bắc giáp đất bà N dài 0,5m;

[3] Ghi nhận anh Nguyễn Thanh S tự nguyện sửa nhà để mở lối đi cho bà Nguyễn Thị N diện tích 21,58m²; tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chị L chừa đường đi cho bà N dài 43,3m;
- + Hướng Tây giáp đất anh S dài 43,03m;
- + Hướng Nam giáp tỉnh lộ 787 dài 0,5m;
- + Hướng Bắc giáp đất bà N dài 0,5m;

Hai bên thỏa thuận chị L đề nguyên hiện trạng lối đi thêm 03 tháng kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.

[4] Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T phải chịu 9.240.000 đồng (chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí;

- Anh Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí ;

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 5, Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; thì người kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm nên Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N đối với Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T.

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 31/2019/DS- ST ngày 11-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2. Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T có nghĩa vụ tháo dỡ trụ xi măng, hàng rào, mái tole để mở lối đi qua cho bà Nguyễn Thị N, diện tích 21,65m²; tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chị L 43,3m;
- + Hướng Tây giáp đất anh S chưa đường đi dài 43,3m.
- + Hướng Nam giáp tỉnh lộ 787 dài 0,5m;
- + Hướng Bắc giáp đất bà N dài 0,5m;

3. Ghi nhận anh Nguyễn Thanh S tự nguyện sửa nhà để mở lối đi cho bà Nguyễn Thị N diện tích 21,58m²; tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất chị L chưa đường đi cho bà N dài 43,3m;
- + Hướng Tây giáp đất anh S dài 43,03m;
- + Hướng Nam giáp tỉnh lộ 787 dài 0,5m;
- + Hướng Bắc giáp đất bà N dài 0,5m;

Hai bên thỏa thuận chị L để nguyên hiện trạng lối đi thêm 03 tháng kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T phải chịu 9.240.000 đồng(chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí;
- Anh Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí ;

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Phan Trung T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai 0017617 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh TN, ghi nhận đã nộp xong.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lâm Văn Be Nguyễn Thị Thúy Phượng

Phạm Thị Hồng Vân